

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

Địa chỉ: Số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 043.9744168 - Fax: 043.9744068

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

*kèm theo*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**

**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**



---

*Được kiểm toán bởi:*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

*Hà Nội, tháng 08 năm 2016*

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Địa chỉ: Số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 043.9744168 - Fax: 043.9744068

---

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2016	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016	11 - 29

083.  
CÔNG  
TIỆM  
TỔNG  
KẾ  
TOÁN  
HỘI  
- T.P

# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Địa chỉ: Số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 043.9744168 - Fax: 043.9744068

Báo cáo của Ban Giám đốc  
đính kèm Báo cáo tài chính

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Phát triển Đô thị:

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Phát triển Đô thị (gọi tắt "Công ty") là đơn vị được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0103027199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2014. Theo đó:

Tên viết tắt: CDDC.,JSC

Vốn Điều lệ của Công ty: 200.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Số 25 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Danh sách cổ đông đã góp vốn:

Nội Dung	Loại cổ phần	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ % góp vốn
Ông Vũ Đình Nhân	Phổ thông	2.600.000	26.000.000.000	13%
Bà Lê Kim Thu	Phổ thông	800.000	8.000.000.000	4,00%
Bà Nguyễn Thanh Tú	Phổ thông	700.000	7.000.000.000	3,50%
Bà Vũ Thị Mai Anh	Phổ thông	900.000	9.000.000.000	4,50%
Bà Lưu Thị Nhung	Phổ thông	800.000	8.000.000.000	4,00%
Các cổ đông khác	Phổ thông	14.200.000	142.000.000.000	71,00%
<b>Cộng</b>		<b>20.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>

### Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của công ty:

- Trồng rau, đậu và các loại hoa cây cảnh;
- Bán buôn, nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống trừ các loại nhà nước cấm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy nông nghiệp, kim loại, quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);
- Bán lẻ hàng hóa khác chi tiết: Bán lẻ tranh, tượng, các tác phẩm nghệ thuật, bán lẻ dầu hỏa, bình ga than củi làm nhiên liệu đun nấu gia đình, các hàng hóa gia dụng gia đình;
- Đúc sắt thép, sản xuất nồi, hơi, rên, đập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các đồ dùng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà ăn, thiết bị văn phòng bằng kim loại, sản xuất cửa an toàn, két cửa bọc sắt, sản xuất dây cáp kim loại cách điện và không cách điện;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, sản xuất các sản phẩm chịu lửa, sắt thép gang;
- Đúc kim loại màu, sản xuất các cấu kiện kim loại, sản xuất thùng bê chứa và các dụng cụ chế tạo kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý tráng và phủ kim loại, sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Xây dựng nhà các loại chi tiết: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường;
- Lắp đặt hệ thống điện;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Trang trí nội ngoại thất, Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng các công trình theo hình thức chìa khóa trao tay; Dịch vụ kiểm định chất lượng cho các công trình xây dựng, máy xây dựng, thiết bị công nghệ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, bán mô tô xe máy, bảo dưỡng sửa ô tô xe máy, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ mô tô xe máy;
- Bán buôn thuốc lá nội, thuốc lá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng các công trường đường sắt và đường bộ, chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn gạo thực phẩm, bán buôn gạo, bán lẻ lương thực thực phẩm đồ uống;
- Vận tải hành khách nội tỉnh, liên tỉnh, nội thành, ngoại thành, vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (không bao gồm pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, chứng khoán);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí, các loại phân bón hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, các phụ liệu may mặc và giày dép;
- Bán lẻ thuốc và dịch vụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên dụng;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn;
- Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học, giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục thể thao và giải trí, văn hóa, nghệ thuật;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng vui chơi giải trí;
- Tư vấn môi giới bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:**

**A Hội đồng quản trị:**

- |                        |                 |
|------------------------|-----------------|
| 1 Ông Vũ Đình Nhân     | Chủ tịch HĐQT   |
| 2 Bà Nguyễn Thanh Tú   | P.Chủ tịch HĐQT |
| 3 Ông Nguyễn Thái Bình | Ủy viên         |
| 4 Bà Lưu Thị Nhung     | Ủy viên         |
| 5 Bà Vũ Thị Mai Anh    | Ủy viên         |

**B Ban Giám đốc:**

- |                         |                |
|-------------------------|----------------|
| 1 Ông Vũ Đình Nhân      | Giám đốc       |
| 2 Bà Nguyễn Thanh Tú    | Phó Giám đốc   |
| 3 Ông Nguyễn Minh Quang | Kế toán trưởng |

**2. Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội (CPAHANOD).

**3. Tại Báo cáo này Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:**

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2016.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ kế toán tiếp theo.

**Đại diện**

**Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Phát triển Đô thị**



**Giám đốc**

**Vũ Đình Nhân**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2016*





Số: 145 /CPAHANOI – BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Phát triển Đô thị được lập ngày 15/07/2016 từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Phát triển Đô thị chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo soát xét được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Phát triển Đô thị giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Phòng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0231-2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>Đơn vị tính: đồng</i>				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>168.423.830.424</b>	<b>133.023.428.915</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.439.271.989	3.437.611.546
1. Tiền	111	V.01	15.439.271.989	3.437.611.546
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.222.881.190	100.346.612.449
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	104.668.002.965	49.233.965.173
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	22.554.878.225	51.112.647.276
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	19.170.344.567	21.793.891.668
1. Hàng tồn kho	141		19.170.344.567	21.793.891.668
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	6.591.332.678	7.445.313.252
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.590.653.678	4.444.634.252
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		3.000.679.000	3.000.679.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>142.860.418.766</b>	<b>147.105.906.400</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		130.848.179.128	135.848.179.126
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.06	130.848.179.128	135.848.179.126
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	-	-
- Nguyên giá	222		2.066.156.921	2.066.156.921
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.066.156.921)	(2.066.156.921)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	-	-
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(100.000.000)	(100.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.000.000.000	11.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.09	11.000.000.000	11.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.012.239.638	257.727.274
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.012.239.638	257.727.274
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>311.284.249.190</b>	<b>280.129.335.315</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của BCTC)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng				
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>80.010.850.710</b>	<b>39.626.293.774</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>80.010.850.710</b>	<b>39.626.293.774</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	17.799.790.015	4.658.369.962
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	5.983.658.617	14.865.896.432
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	23.914.250.001	20.102.027.380
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	30.000.000.000	-
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.313.152.077	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>231.273.398.480</b>	<b>240.503.041.541</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>231.273.398.480</b>	<b>240.503.041.541</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411	V.15	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	415		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.050.304.154	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		27.223.094.326	40.503.041.541
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.139.585.310	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.083.509.016	40.503.041.541
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>311.284.249.190</b>	<b>280.129.335.315</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trịnh Long



Nguyễn Minh Quang



Vũ Đình Nhân

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


6 tháng đầu năm 2016


Đơn vị tính: đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		2	3			4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	73.131.215.648	79.982.824.681	109.425.195.942	101.070.130.134
2.	Các khoản giảm trừ	2	VI.02	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.03	73.131.215.648	79.982.824.681	109.425.195.942	101.070.130.134
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	57.765.388.909	58.608.683.638	78.687.135.577	68.224.089.881
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20	VI.05	15.365.826.739	21.374.141.043	30.738.060.365	32.846.040.253
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	54.185	167.567	178.917	273.294
7.	Chi phí tài chính	22	-	-	-	-	-
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-	-	-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.06	-	-	-	436.688.000
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	945.391.853	1.197.842.892	1.883.853.012	5.090.659.107
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	VI.07	14.420.489.071	20.176.465.718	28.854.386.270	27.318.966.440
11.	Thu nhập khác	31	VI.08	-	-	-	11.372.029.541
12.	Chi phí khác	32	-	-	-	-	-
13.	Lợi nhuận khác	40	-	-	-	-	11.372.029.541
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	-	14.420.489.071	20.176.465.718	28.854.386.270	38.690.995.981
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3.172.507.596	4.438.822.457	5.770.877.254	8.512.019.116
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.10	11.247.981.475	15.737.643.261	23.083.509.016	30.178.976.865
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	562	787	1.154	1.509
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-	-	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Trinh Long

Nguyễn Minh Quang

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2016





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2016

Đơn vị tính: đồng


CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.854.386.270	38.690.995.981
2. Điều chỉnh do các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	-	-
- Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản			
- mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(178.917)	-
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	28.854.207.353	38.690.995.981
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(21.022.288.169)	(52.230.626.257)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.623.547.101)	(22.281.730.225)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,			
- thuế TNDN phải nộp)	11	8.648.423.615	35.407.770.960
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	(754.512.364)	(888.376.003)
- Tiền lãi vay đã trả	15	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(2.517.014.146)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17	1.416.212.338	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	18	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>12.001.481.526</b>	<b>(1.301.965.544)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	178.917	273.294
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>178.917</b>	<b>273.294</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSII	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>12.001.660.443</b>	<b>(1.301.692.250)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.437.611.546	2.360.616.056
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>15.439.271.989</b>	<b>1.058.923.806</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

  
Trinh Long

  
Nguyễn Minh Quang



Vũ Đình Nhân

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của BCTC)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Phát triển Đô thị (gọi tắt "Công ty") là đơn vị được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0103027199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2014. Theo đó:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Phát triển Đô thị

Tên giao dịch quốc tế: CONSULTANCY DESIGN AND URBAN DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CDDC.,JSC

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VND (Hai trăm tỷ đồng chẵn)

Trụ sở chính: Số 25 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng rau, đậu và các loại hoa cây cảnh;
- Bán buôn, nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống trừ các loại nhà nước cấm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy nông nghiệp, kim loại, quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);
- Bán lẻ hàng hóa khác chi tiết: Bán lẻ tranh, tượng, các tác phẩm nghệ thuật, bán lẻ dầu hỏa, bình ga than củi làm nhiên liệu đun nấu gia đình, các hàng hóa gia dụng gia đình;
- Đúc sắt thép, sản xuất nồi hơi, rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các đồ dùng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà ăn, thiết bị văn phòng bằng kim loại, sản xuất cửa an toàn, kết cửa bọc sắt, sản xuất dây cáp kim loại cách điện và không cách điện;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, sản xuất các sản phẩm chịu lửa, sắt thép gang;
- Đúc kim loại màu, sản xuất các cấu kiện kim loại, sản xuất thùng bể chứa và các dụng cụ chế độ kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý tráng và phủ kim loại, sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Xây dựng nhà các loại chi tiết: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Trang trí nội ngoại thất, Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng các công trình theo hình thức chìa khóa trao tay; Dịch vụ kiểm định chất lượng cho các công trình xây dựng, máy xây dựng, thiết bị công nghệ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, bán mô tô xe máy, bảo dưỡng sửa ô tô xe máy, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ mô tô xe máy;
- Bán buôn thuốc lá nội, thuốc lá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

- Xây dựng các công trường đường sắt và đường bộ, chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn gạo thực phẩm, bán buôn gạo, bán lẻ lương thực thực phẩm đồ uống;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (không bao gồm pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, chứng khoán);
- Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học, giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục thể thao và giải trí, văn hóa, nghệ thuật;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre nứa, rơm, rạ, vật liệu tết bện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng vui chơi giải trí;
- Tư vấn môi giới bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;

4. **Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường:** chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ).

## III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Phát triển Đô thị áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. **Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Phát triển đô thị tuyên bố Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2016 được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

### 1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

#### *Nguyên tắc xác định các khoản tiền:*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)



**Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:****Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Tuy nhiên, các công ty con, công ty liên kết của công ty đều không bị lỗ hay đang trong giai đoạn đầu tư nên công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:**

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:**

**Phải thu của khách hàng:** phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

**Phải thu nội bộ:** phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

**Phải thu khác:** phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

*Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:*

- \* Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:*

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

*Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

*Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:* Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

#### 6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:*

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ:*

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 8 năm

#### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước của công ty gồm công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

· Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

· Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

**Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

· Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

· Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

· Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

· Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả gồm lãi vay, lãi trái phiếu trả sau, chi phí công trình, chi phí phải trả khác. Chi phí của các công trình xây dựng và tư vấn thiết kế đã có trong dự toán thực tế phát sinh nhưng chưa tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu do các công trình xây dựng ở xa, nằm rải rác trên nhiều địa bàn được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của các công trình xây dựng là giá trị công trình tạm tính hoặc biên bản tạm xác định khối lượng, cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của hoạt động tư vấn thiết kế căn cứ theo hợp đồng và phần công việc hoàn thành. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:**

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu từ lãi tiền gửi.

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

CHỖ CHỮ K

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

*Thu nhập khác*: các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán trong kỳ, các khoản hao hụt định mức, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

*Chi phí tài chính*: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

*Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

*Cơ sở lập báo cáo tài chính*: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

*Các bên liên quan*: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: đồng*

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	15.404.163.882	3.403.081.384
Tiền gửi ngân hàng	35.108.107	34.530.162
<b>Cộng</b>	<b>15.439.271.989</b>	<b>3.437.611.546</b>
<b>2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNIII Xây Dựng Và Phát Triển Đô Thị	13.555.327.000	25.117.327.000
Sở giao dịch chứng khoán TP HCM	2.301.000	2.301.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Duy Sơn	-	1.296.191.400
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch vụ Tổng hợp Hai Bà Trưng	27.347.305.483	19.982.931.191
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch vụ Tổng Hợp Hồng Trại	950.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Nước sạch và Môi trường Hùng Thành	1	1
Công ty cổ phần vận tải Newway	15.400.000	15.400.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Năng Lượng	2.279.814.581	2.279.814.581
Công ty Cổ Phần Siêu Chung Kỳ	540.000.000	540.000.000
Công ty cổ phần lương thực Hồng Hà	59.977.854.900	-
<b>Cộng</b>	<b>104.668.002.965</b>	<b>49.233.965.173</b>
<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ XNK 5S Việt Nam	10.088.979.050	14.000.000.000
Công ty Cổ Phần APX	6.500.000.000	6.500.000.000
Cty CPPT Phần Mềm ASIA	8.000.000	8.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Đô Thị	520.000.000	520.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị	-	-
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Châu Á Thái Bình Dương	120.000.000	40.000.000
Công ty Tư Vấn Đại học Xây Dựng	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng và TM Hoàng Chung	1.315.445.526	12.857.889.200
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch vụ Tổng Hợp Hồng Trại	-	13.184.304.427
Công ty TNHH Ishop Việt Nam	21.790.000	21.790.000
Chi nhánh công ty TNHH Kiểm Toán- Tư vấn Đất Việt Hà Nội	-	-
Công ty TNHH Phát triển kiến trúc Nhiệt Đới	27.392.970	27.392.970
Công ty TNHH phần mềm Nhân Hòa	1.440.000	1.440.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Năng Lượng	3.821.807.999	3.821.807.999
Công ty TNHH TM & DL Thanh Việt	29.892.000	29.892.000
Công ty Cổ Phần Daehyevina	130.680	130.680
<b>Cộng</b>	<b>22.554.878.225</b>	<b>51.112.647.276</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	810.000	-	810.000	-
Chi phí SX, KD dở dang	9.281.042.723	-	-	-
Hàng hóa	9.888.491.844	-	21.793.081.668	-
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>19.170.344.567</b>	<b>-</b>	<b>21.793.891.668</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>6.591.332.678</i>	<i>7.445.313.252</i>
Thuế GTGT được khấu trừ	3.590.653.678	4.444.634.252
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	3.000.679.000	3.000.679.000

Cộng

**6.591.332.678**      **7.445.313.252**

6. Trả trước cho người bán dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch vụ Tổng hợp Hai Bà Trưng (*)	130.848.179.128	135.848.179.126
Cộng	<b>130.848.179.128</b>	<b>135.848.179.126</b>

(\*) Theo hợp đồng thuê số 79/HĐKT/HBT-2014 ngày 10/11/2014 giữa Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Phát triển Đô thị và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hai Bà Trưng về việc thuê địa điểm kinh doanh khách sạn Candle số 287-301 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội, cụ thể:

Thuê tầng 1, lửng, tầng 2, 3, 4, 5, 6, 7 Khách sạn Candle, số 287-301 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội, tổng diện tích 5.228 m<sup>2</sup>;

Mục đích thuê kinh doanh quán bar, nhà hàng, trung tâm sự kiện, thể thao và khách sạn;

Thời gian thuê: 30 năm kể từ ngày 01/01/2015 và kết thúc ngày 31/12/2045;

Trả tiền thuê mặt bằng là 10 tỷ đồng/năm, trả trước tiền thuê 15 năm số tiền: 150.000.000.000 đồng.

7. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>			100.000.000	100.000.000
Tăng trong năm			-	-
Giảm trong năm			-	-
<i>Số dư cuối năm</i>			100.000.000	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>			100.000.000	100.000.000
Khấu hao trong kỳ			-	-
Giảm trong kỳ			-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>			100.000.000	100.000.000
Giá trị còn lại				
<i>Số dư đầu năm</i>			-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>			-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

## 9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cp Tập đoàn Nhân Nghĩa	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần APX	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>11.000.000.000</b>		<b>11.000.000.000</b>

## 10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dài hạn	1.012.239.638	257.727.274
<b>Cộng</b>	<b>1.012.239.638</b>	<b>257.727.274</b>

## 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Báo Đầu Tư	86.350.000	86.350.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch vụ Tổng hợp Hai Bà Trưng	10.771.523.519	-
Công ty TNHH Hoàng Quân	31.933.419	31.933.419
Công ty TNHH Máy tính Trang Linh	188.162.000	188.162.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Năng Lượng	-	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư PSP Việt Nam	2.016.500.000	2.016.500.000
Công ty Cổ Phần Truyền Thông và Nghệ Thuật Hà Nội	19.550.580	19.550.580
Công ty Cổ Phần Thép và Vật Tư Hà Nội	2.315.873.963	2.315.873.963
Công ty TNHH Xây Dựng Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị	10	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch vụ Tổng Hợp Hồng Trại	2.369.896.524	-
<b>Cộng</b>	<b>17.799.790.015</b>	<b>4.658.369.962</b>

## 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Phát triển Đông Phương	4.533.402.239	6.208.604.000
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch vụ Tổng Hợp Hồng Trại	1.450.256.378	8.657.292.432
<b>Cộng</b>	<b>5.983.658.617</b>	<b>14.865.896.432</b>

## 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	8.026.284.753	9.547.382.165	8.159.022.652	9.414.644.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.075.742.627	5.770.877.254	3.347.014.146	14.499.605.735
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.102.027.380</b>	<b>15.321.259.419</b>	<b>11.509.036.798</b>	<b>23.914.250.001</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

Cổ tức phải trả

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

30.000.000.000

30.000.000.000

-

**15. Vốn góp chủ sở hữu**

**15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 02>**

**15.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu**

Vũ Đình Nhân

Lê Kim Thu

Nguyễn Thanh Tú

Vũ Thị Mai Anh

Lưu Thị Nhung

Các cổ đông khác

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

13.000.000.000

26.000.000.000

8.000.000.000

8.000.000.000

3.500.000.000

7.000.000.000

4.500.000.000

9.000.000.000

4.000.000.000

8.000.000.000

167.000.000.000

142.000.000.000

200.000.000.000

200.000.000.000

**15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:**

- Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp tăng trong kỳ

Vốn góp giảm trong kỳ

Vốn góp cuối kỳ

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Kỳ này

Kỳ trước

200.000.000.000

200.000.000.000

-

-

-

-

200.000.000.000

200.000.000.000

-

-

**15.4 Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:

Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:

Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:

Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

Kỳ này

Kỳ trước

20.000.000

20.000.000

20.000.000

20.000.000

20.000.000

20.000.000

-

-

20.000.000

20.000.000

20.000.000

20.000.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

Kỳ này

Kỳ trước

40.258.398.014

48.781.651.044

69.166.797.928

52.288.479.090

109.425.195.942

101.070.130.134

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

Địa chỉ: Số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 043.9744168 - Fax: 043.9744068

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	40.258.398.014	48.781.651.044
Doanh thu cung cấp dịch vụ	69.166.797.928	52.288.479.090
<b>Cộng</b>	<b>109.425.195.942</b>	<b>101.070.130.134</b>
4. Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.979.313.415	34.431.682.305
Giá vốn dịch vụ	39.707.822.162	33.792.407.576
<b>Cộng</b>	<b>78.687.135.577</b>	<b>68.224.089.881</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	178.917	273.294
<b>Cộng</b>	<b>178.917</b>	<b>273.294</b>
6. Chi phí bán hàng	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	436.688.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>436.688.000</b>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	738.436.000	732.739.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Thuế phí và lệ phí	8.735.510	28.373.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.136.681.502	909.546.223
Chi phí bằng tiền khác	-	3.420.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.883.853.012</b>	<b>5.090.659.107</b>
8 Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	-	11.372.029.541
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>11.372.029.541</b>
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế:	28.854.386.270	38.690.995.981
Các khoản điều chỉnh tăng:	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế:</b>	<b>28.854.386.270</b>	<b>38.690.995.981</b>
Thuế suất thuế TNDN:	20%	22%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	5.770.877.254	8.512.019.116
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>5.770.877.254</b>	<b>8.512.019.116</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.083.509.016	30.178.976.865
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Lãi trên cổ phiếu	1.154	1.509
<b>11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	738.436.000	732.739.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.281.042.723	30.762.104.546
Chi phí khác	1.136.995.002	909.546.223
<b>Cộng</b>	<b>11.156.473.725</b>	<b>32.404.389.769</b>

**VIII. Những thông tin khác:**

**1. Công cụ tài chính:**

**1.1. Quản lý rủi ro:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

**1.2. Các loại công cụ tài chính:**

*Tài sản tài chính:*

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.439.271.989	3.437.611.546
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	104.668.002.965	49.233.965.173
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	11.000.000.000	11.000.000.000
Tài sản tài chính khác	3.000.679.000	3.000.679.000
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	47.799.790.015	4.658.369.962
Công nợ tài chính khác	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

**Quản lý rủi ro về lãi suất**

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	47.799.790.015	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
Công nợ khác	-	-

**2. Thông tin về các bên liên quan:**

**Các bên liên quan**

Công ty Cổ phần APX

Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Đô thị

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết

Ông Vũ Đình Nghĩa - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH XD và Phát triển Đô Thị là bố của Vũ Đình Nhân - Chủ tịch HĐQT.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

2.1 Công nợ với bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải thu		20.575.327.000	32.137.327.000
Công ty TNHH XD và Phát Triển Đô Thị (*)	Phải thu (*)	13.555.327.000	25.117.327.000
Công ty Cổ Phần APX	Trả trước cho người bán C.ty liên kết	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty TNHH XD và Phát Triển Đô Thị (*)	Trả trước cho người bán (*)	520.000.000	520.000.000

(\*) Ông Vũ Đình Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH XD và Phát triển Đô thị là bố của Vũ Đình Nhân - Chủ tịch HĐQT.

2.2 Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập	Ghi chú
Vũ Đình Nhân	CT HĐQT - Giám đốc	84.000.000	
Nguyễn Thanh Tú	PCT HĐQT - Phó Giám đốc	66.000.000	
Lưu Thị Nhung	TV HĐQT	18.000.000	
Vũ Thị Mai Anh	TV HĐQT	18.000.000	
Nguyễn Thái Bình	TV HĐQT	18.000.000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>204.000.000</b>	

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (phân loại hoạt động trong nước và nước ngoài)

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Công ty là xây dựng, khách sạn và dịch vụ tư vấn thiết kế.

Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Doanh thu dịch vụ	Đơn vị tính: đ
			Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.258.398.014	69.166.797.928	109.425.195.942
Các khoản giảm trừ doanh thu			-
Chi phí bộ phận	38.979.313.415	39.707.822.162	78.687.135.577
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>1.279.084.599</b>	<b>29.458.975.766</b>	<b>30.738.060.365</b>
Các khoản chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.883.853.012)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			28.854.207.353
Doanh thu hoạt động tài chính			178.917

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Chi phí tài chính	-
Thu nhập khác	-
Chi phí khác	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(5.770.877.254)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>23.083.509.016</b>

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI), số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long (Thang Long - T.D.K) và được phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/BTC-TT ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo.

6. Những thông tin khác

6.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<i>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	54,11	47,49
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	45,89	52,51
<i>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</i>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25,70	14,15
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	74,30	85,85
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	3,89	7,07
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,11	3,36
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,19	0,09
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<i>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	26,37	38,28
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	21,10	29,86
<i>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	9,27	9,75
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	7,42	10,77

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

6.2 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Giám đốc



Vũ Đình Nhân

Trịnh Long

Nguyễn Minh Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

Địa chỉ: Số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 043.9744168 - Fax: 043.9744068

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>					
Số dư đầu năm	-	-	-	2.066.156.921	2.066.156.921
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	2.066.156.921	2.066.156.921
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	-	-	2.066.156.921	2.066.156.921
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	2.066.156.921	2.066.156.921
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

Địa chỉ: Số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 043.9744168 - Fax: 043.9744068

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Phụ lục 02: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	18.000.000.000	-	-	3.170.993.768	21.170.993.768
- Tăng vốn trong năm trước	182.000.000.000	-	-	-	182.000.000.000
- Lãi trong năm trước		-	-	37.332.047.773	37.332.047.773
- Tăng khác		-	-	-	-
- Phân phối trong năm trước		-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước		-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	200.000.000.000	-	-	40.503.041.541	240.503.041.541
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	200.000.000.000	-	-	40.503.041.541	240.503.041.541
- Tăng vốn trong kỳ này		-	-	23.083.509.016	23.083.509.016
- Lãi trong kỳ		-	4.050.304.154	-	4.050.304.154
- Tăng khác		-	-	36.363.456.231	36.363.456.231
- Giảm vốn trong kỳ		-	-	30.000.000.000	-
+ <i>Trả cổ tức</i>		-	-	4.050.304.154	-
+ <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>		-	-	2.313.152.077	-
+ <i>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>		-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ		-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	200.000.000.000	-	4.050.304.154	27.223.094.326	231.273.398.480

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)